

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 05 năm 2018

**MỤC LỤC**

**Trang**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

2 - 3

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

4

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

5

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6 - 36

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1,927,494,842,679</b>	<b>1,966,957,725,614</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>267,847,303,111</b>	<b>228,713,854,868</b>
1. Tiền	111		228,174,115,139	178,889,744,194
2. Các khoản tương đương tiền	112		39,673,187,972	49,824,110,674
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4,230,240,000</b>	<b>2,230,240,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2,000,000,000	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(560,000,000)	(560,000,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	2,790,240,000	790,240,000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>663,134,520,216</b>	<b>776,590,477,845</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	509,783,493,712	640,947,781,748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		84,779,296,072	72,589,484,999
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5,024,200	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	69,773,524,100	64,265,329,424
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1,281,203,571)	(1,281,203,571)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		74,385,703	69,085,245
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>891,256,459,889</b>	<b>891,252,698,714</b>
1. Hàng tồn kho	141		894,426,813,463	894,423,052,288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,170,353,574)	(3,170,353,574)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101,026,319,463</b>	<b>68,170,454,187</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	30,949,266,528	17,859,467,421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62,115,331,221	44,172,222,152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	7,947,721,714	6,138,764,614
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		14,000,000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,090,992,053,030</b>	<b>1,156,445,690,697</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>24,839,386,446</b>	<b>56,774,614,822</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	24,839,386,446	56,774,614,822
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>838,609,467,458</b>	<b>859,505,042,480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	804,916,239,797	824,494,733,293
- Nguyên giá	222		1,571,460,427,740	1,571,574,363,169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(766,544,187,943)	(747,079,629,876)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	33,693,227,661	35,010,309,187
- Nguyên giá	228		52,957,296,294	52,858,296,294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19,264,068,633)	(17,847,987,107)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27,001,837,329</b>	<b>44,741,751,201</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27,001,837,329	44,741,751,201
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>108,243,828,453</b>	<b>109,623,003,112</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		67,648,215,068	73,027,389,727
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38,595,613,385	32,595,613,385
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2,000,000,000	4,000,000,000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>92,297,533,344</b>	<b>85,801,279,082</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	92,297,533,344	85,801,279,082
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>3,018,486,895,709</b>	<b>3,123,403,416,311</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018


NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,618,556,172,908</b>	<b>2,726,180,092,640</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,235,180,989,556</b>	<b>2,331,654,315,591</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	260,221,086,763	358,776,884,571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41,032,268,502	32,094,341,110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	20,777,164,256	23,588,959,401
4. Phải trả người lao động	314		44,912,839,479	188,098,410,957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	31,240,867,437	47,920,727,717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12,942,675,761	12,054,922,758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	70,035,994,570	60,723,297,177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1,691,898,731,982	1,540,696,242,942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39,860,750,361	39,860,750,361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		22,258,610,445	27,839,778,597
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>383,375,183,352</b>	<b>394,525,777,049</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	1,207,140,251	1,023,054,500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	14,500,372,031
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		25,821,211,674	22,869,583,121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	5,005,358,574	4,794,960,183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	347,601,792,349	346,242,839,149
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		3,470,000,000	3,470,000,000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		269,680,504	1,624,968,065
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>399,930,722,801</b>	<b>397,223,323,671</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>399,930,722,801</b>	<b>397,223,323,671</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16	182,000,000,000	182,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182,000,000,000	182,000,000,000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45,796,714,887	45,674,075,645
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65,431,429,926	63,332,954,145
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		106,702,577,988	106,216,293,881
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,018,486,895,709</b>	<b>3,123,403,416,311</b>
(430 = 300+400)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018


CHỈ TIÊU	MS	TM	01/01-31/03/2018	01/01-31/03/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	967,762,105,136	1,253,588,188,264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,504,130,360	3,208,603,790
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	963,257,974,776	1,250,379,584,474
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	762,054,338,102	1,019,599,884,098
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>201,203,636,674</b>	<b>230,779,700,375</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	4,306,321,451	9,778,611,473
7. Chi phí tài chính	22	5.20	20,568,856,424	17,783,696,156
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18,702,284,758</i>	<i>12,381,930,977</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,348,402,520	374,276,626
9. Chi phí bán hàng	24	5.21	64,070,789,524	90,749,096,727
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	106,780,241,694	124,107,877,646
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>15,438,473,003</b>	<b>8,291,917,946</b>
12. Thu nhập khác	31	5.23	3,531,689,817	3,064,932,089
13. Chi phí khác	32	5.23	1,498,199,049	2,160,953,672
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2,033,490,768</b>	<b>903,978,416</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>17,471,963,771</b>	<b>9,195,896,362</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6,482,280,059	5,589,525,502
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		269,680,504	74,855,326
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>10,720,003,208</b>	<b>3,531,515,534</b>
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		10,882,066,601	6,768,126,287
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(162,063,392)	(3,236,610,753)
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.24</b>	<b>474</b>	<b>245</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc


Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B 03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	01/01-31/03/2018 VND	01/01-31/03/2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	17.471.963.771	9.195.896.362
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	29.642.960.642	29.346.806.920
- Các khoản dự phòng	03	(5.300.458)	173.000.129
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	1.256.830.536
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(788.667.222)	(3.398.213.518)
- Chi phí lãi vay	06	18.702.284.758	12.381.930.977
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	65.023.241.492	48.956.251.405
- Biến động các khoản phải thu	09	125.630.420.294	13.626.209.079
- Biến động hàng tồn kho	10	(3.761.175)	194.684.771.401
- Biến động các khoản phải trả	11	(229.818.253.527)	(320.662.744.182)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(19.586.053.369)	4.453.767.392
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.702.284.758)	(12.381.930.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.607.436.654)	(6.530.163.984)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.242.119.731)	(6.543.205.374)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(102.306.247.428)	(84.397.045.240)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.658.279.950)	(13.099.259.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(194.546.358)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	(5.242.900.220)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.379.174.659	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	788.667.222	3.398.213.518
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(13.490.438.069)	(15.138.492.844)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.005.298.306.651	780.700.006.039
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(850.368.172.909)	(699.648.937.642)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	154.930.133.741	81.051.068.397
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	39.133.448.244	(18.484.469.686)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	228.713.854.868	163.402.922.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương	62	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	267.847.303.111	144.918.452.415

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 5 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN/HN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

**Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.**

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
<b>Tổng</b>	<b>18.200.000</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/03/2018: 5.046 người

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp*****Danh sách các công ty con được hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,65%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 87,50%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 87,50%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 71,24%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 71,24%
Tên Công ty	: Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Khu phố 1, Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,17%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 60,83%
Tên Công ty	: Công ty CP Bất động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,57%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,57%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 45,43%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 59,01%

***Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 26,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 26,78%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 30%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 30%

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè

Địa chỉ : Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 29,99%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 29,99%

Tên Công ty : Công ty Cổ phần May Sông Tiền

Địa chỉ : Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 43,89%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 43,89%

Tên Công ty : Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè

Địa chỉ : Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 46,70%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 46,70%

Tên Công ty : Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa

Địa chỉ : Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 25%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 25%

Tên Công ty : Công ty Cổ phần SX - TM - DV Hưng Phát

Địa chỉ : Số 12 Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 20%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 20%

**Các đơn vị phụ thuộc**

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh UK

## **TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

#### **1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

#### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

#### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

##### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/03/2018.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2017</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 – 07

Tài sản cố định vô hình

	<u>Năm 2017</u>
	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**



**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

##### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	10,575,476,540	10,797,485,857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	217,598,638,599	168,092,258,337
Tương đương tiền	39,673,187,972	49,824,110,674
<b>Cộng</b>	<b>267,847,303,111</b>	<b>228,713,854,868</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

##### 5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/03/18			01/01/18		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2,000,000,000	1,440,000,000	(560,000,000)	2,000,000,000	1,440,000,000	(560,000,000)
Trong đó chủ yếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2,000,000,000	1,440,000,000	(560,000,000)	2,000,000,000	1,440,000,000	(560,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>1,440,000,000</b>	<b>(560,000,000)</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>1,440,000,000</b>	<b>(560,000,000)</b>

Giá trị hợp lý được xác định là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/03/2018.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/18		01/01/18	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2,790,240,000</b>	<b>2,790,240,000</b>	<b>790,240,000</b>	<b>790,240,000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	2,000,000,000	2,000,000,000		
- Trái phiếu	790,240,000	790,240,000	790,240,000	790,240,000
<b>Cộng</b>	<b>2,790,240,000</b>	<b>2,790,240,000</b>	<b>790,240,000</b>	<b>790,240,000</b>

**5.4 Phải thu của khách hàng**

	31/03/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>509,783,493,712</b>	<b>640,947,781,748</b>
CANDA	13,257,466,220	11,083,856,521
MOTIVES	48,909,240,604	28,235,125,479
PROMINENT/ITOCHU	16,877,439,565	15,415,427,039
JC PENNY	6,466,272,126	38,194,011,787
PVH	-	11,615,072,263
ARCADIA	43,252,200,315	35,438,604,139
BMB CLOTHING GROUP	32,312,877,362	41,026,113,023
DEBENHAMS RETAIL	24,733,947,833	11,696,120,262
GENEROS	-	24,262,890,217
Cty CP May Tây sơn		57,867,174,827
Phải thu khách hàng khác	323,974,049,686.70	324,164,938,458
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>509,783,493,712</b>	<b>640,947,781,748</b>

**5.5 Phải thu khác**

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>69,773,524,100</b>	<b>-</b>	<b>64,265,329,424</b>	<b>-</b>
- Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	10,672,008,157	-	8,008,336,539	-
- Phải thu tiền bảo hiểm	3,300,580,985	-	4,126,114,738	-
- Tạm ứng	2,922,500,846	-	6,227,693,429	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	2,459,220,750	-
- Bùi Thị Mỹ Linh	-	-	7,000,000,000	-
- Đặt cọc mặt bằng	553,573,250	-	2,000,000,000	-
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	124,862,371	-	-	-
- Phải thu phí XNK	150,000,000	-	-	-
- Mua đất dự án Long Thới	2,296,286,150	-	-	-
- Phải thu khác	49,753,712,341	-	34,443,963,968	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24,839,386,446</b>	<b>-</b>	<b>56,774,614,822</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	-	-	6,340,275,000	-
- Mua đất dự án Long Thới	-	-	34,296,286,150	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	3,614,053,672	-
- Phải thu khác	24,839,386,446	-	12,524,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>94,612,910,546</b>	<b>-</b>	<b>121,039,944,246</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1,187,260,087	-	48,892,618	-
Nguyên liệu, vật liệu	295,955,182,265	-	306,038,058,864	-
Công cụ, dụng cụ	2,904,213,056	-	2,744,437,503	-
Chi phí SX KDDD	333,925,557,181	-	309,833,325,202	-
Thành phẩm	171,189,918,771	(1,448,196,299)	189,364,154,134	(1,448,196,299)
Hàng hóa	11,287,765,459	(1,327,544,905)	10,292,167,005	(1,327,544,905)
Hàng gửi bán	77,660,412,276	(394,612,370)	76,102,016,962	(394,612,370)
<b>Cộng</b>	<b>894,426,813,463</b>	<b>(3,170,353,574)</b>	<b>894,423,052,288</b>	<b>(3,170,353,574)</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>30,949,266,528</b>	<b>17,859,467,421</b>
- Chi phí bảo hiểm	1,636,735,482	2,566,798,918
- Chi phí CCDC	10,570,433,369	2,415,674,608
- Máy móc thiết bị	1,050,306,807	123,752,795
- Phân bổ phụ tùng	1,761,212,387	2,583,395,106
- Chi phí quảng cáo	4,135,388,906	637,226,281
- Chi phí sửa chữa	6,932,640,022	1,468,291,425
- Chi phí thuê mặt bằng	1,774,431,824	5,334,584,958
- Tiền thuê đất	170,800,772	-
- Khác	2,917,316,959	2,729,743,330
<b>b) Dài hạn</b>	<b>92,297,533,344</b>	<b>85,801,279,082</b>
- Chi phí thuê đất	41,312,971,653	36,662,064,665
- Chi phí CCDC	30,439,718,715	27,471,214,605
- Chi phí quảng cáo	5,723,412,690	485,542,942
- Chi phí sửa chữa	858,690,595	10,837,339,142
- Chi phí phụ tùng	8,616,647,485	1,361,996,696
- Tài sản giảm theo thông tư 45	-	-
- Máy móc thiết bị	805,194,761	5,126,761,561
- Chi phí đào tạo nhân viên	1,896,500,763	1,361,286,849
- Chi phí chờ phân bổ	72,869,975	1,115,985,330
- Chi phí thực hiện dự án	-	509,660,603
- Khác	2,571,526,707	869,426,689
<b>Cộng</b>	<b>123,246,799,872</b>	<b>103,660,746,503</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	717,798,298,953	776,411,802,862	56,305,956,488	17,710,994,511	3,347,310,355	1,571,574,363,169
Tăng trong năm	1,072,513,719	12,948,615,623	59,393,857,814	420,843,818	-	73,835,830,974
Mua trong năm	-	11,567,622,858	1,669,813,274	420,843,818	-	13,658,279,950
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,009,990,901	630,675,266	661,734,258	-	-	2,302,400,425
Tăng khác	62,522,818	750,317,499	57,062,310,282	-	-	57,875,150,599
Giảm trong năm	18,329,686,056	50,321,942,637	661,734,258	4,636,403,452	-	73,949,766,403
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	14,235,466,931	661,734,258	-	-	14,897,201,189
Giảm khác	18,329,686,056	36,086,475,706	-	4,636,403,452	-	59,052,565,214
<b>Số dư tại 31/03/2018</b>	<b>700,541,126,616</b>	<b>739,038,475,848</b>	<b>115,038,080,044</b>	<b>13,495,434,877</b>	<b>3,347,310,355</b>	<b>1,571,460,427,740</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	247,053,999,070	452,290,126,500	32,269,901,272	13,014,117,972	2,451,485,062	747,079,629,876
Tăng trong năm	8,700,059,116	18,054,116,646	52,048,922,396	352,208,449	87,371,852	79,242,678,460
Khấu hao trong năm	8,658,377,236	17,614,160,077	1,579,629,001	287,340,949	87,371,852	28,226,879,116
Tăng khác	41,681,880	439,956,569	50,469,293,395	64,867,500	-	51,015,799,344
Giảm trong năm	11,307,666,045	44,409,218,508	-	4,061,235,839	-	59,778,120,392
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	8,061,804,409	-	-	-	8,061,804,409
Giảm khác	11,307,666,045	36,347,414,099	-	4,061,235,839	-	51,716,315,983
<b>Số dư tại 31/03/2018</b>	<b>244,446,392,141</b>	<b>425,935,024,638</b>	<b>84,318,823,669</b>	<b>9,305,090,582</b>	<b>2,538,856,914</b>	<b>766,544,187,943</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	470,744,299,883	324,121,676,362	24,036,055,216	4,696,876,539	895,825,293	824,494,733,293
Tại ngày 31/12/2018	456,094,734,475	313,103,451,210	30,719,256,375	4,190,344,295	808,453,441	804,916,239,797

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	19,581,647,983	5,838,965,451	27,437,682,860	52,858,296,294
Tăng trong năm	-	-	1,723,195,797	1,723,195,797
Mua trong năm	-	-	99,000,000	99,000,000
Tăng khác	-	-	1,624,195,797	1,624,195,797
<b>Giảm trong năm</b>	<b>1,578,713,790</b>	<b>45,482,007</b>	-	<b>1,624,195,797</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	1,578,713,790	45,482,007	-	1,624,195,797
<b>Số dư tại 31/03/2018</b>	<b>18,002,934,193</b>	<b>5,793,483,444</b>	<b>29,160,878,657</b>	<b>52,957,296,294</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	2,863,116,488	4,899,604,329	10,085,266,290	17,847,987,107
Tăng trong năm	294,648,207	176,032,849	1,473,111,089	1,943,792,145
Khấu hao trong năm	135,617,427	176,032,849	1,104,431,250	1,416,081,526
Tăng khác	159,030,780	-	368,679,839	527,710,619
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>527,710,619</b>	-	<b>527,710,619</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	527,710,619	-	527,710,619
<b>Số dư tại 31/03/2018</b>	<b>3,157,764,695</b>	<b>4,547,926,559</b>	<b>11,558,377,379</b>	<b>19,264,068,633</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2018	16,718,531,495	939,361,122	17,352,416,570	35,010,309,187
Số dư tại 31/03/2018	14,845,169,498	1,245,556,885	17,602,501,278	33,693,227,661

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)****5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	31/03/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ	Giá hợp lý		Giá hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>67,648,215,068</b>		<b>73,027,389,727</b>
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33.19%	11,329,390,391		11,276,421,765
Công ty CP May Nam Định	26.78%	6,620,558,026		9,309,182,339
Cty CP Đầu tư & Phát triển DV-TM Nhà Bè	28.58%	5,017,402,435		4,555,437,024
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30.00%	5,803,197,678		5,437,696,816
Công ty CP Xây Lấp Công Nghiệp Nhà Bè	29.99%	4,466,011,872		4,425,755,477
Công ty CP May Sông Tiền	43.89%	28,498,193,151		28,102,008,738
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46.67%	560,000,000		560,000,000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25.00%	5,353,461,515		5,360,887,568
Công ty CP Sản xuất TM DV Hưng Phát		-		4,000,000,000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>38,595,613,385</b>		<b>32,595,613,385</b>
<b>Đầu tư trái phiếu</b>				
Công ty CP Sản xuất TM DV Hưng Phát		-		-
<b>Đầu tư khác</b>				
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)		5,337,100,000		5,337,100,000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng		5,802,843,385		5,802,843,385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An		7,161,920,000		7,161,920,000
Công ty CP Dệt may Liên Phương		3,480,000,000		3,480,000,000
Công ty CP May 9 Nam Định		1,338,750,000		1,338,750,000
Công ty CP Sản xuất - TM - DV Hưng Phát		4,000,000,000		4,000,000,000
Công ty CP Đầu Tư An Phát		4,225,000,000		4,225,000,000
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè		5,250,000,000		5,250,000,000
Công ty CP May Hoài Hương		2,000,000,000		
<b>Cộng</b>		<b>106,243,828,453</b>		<b>105,623,003,112</b>

**5.11 Phải trả người bán**

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>260,221,086,763</b>	<b>260,221,086,763</b>	<b>358,776,884,571</b>	<b>358,776,884,571</b>
Công ty CP May Phù Cát	-	-	12,010,430,818	12,010,430,818
Công ty CP May Tây Sơn	3,818,644,897	3,818,644,897	7,617,743,899	7,617,743,899
Công ty TNHH May XK Việt Thành	3,149,987,398	3,149,987,398	9,087,374,664	9,087,374,664
Công Ty TNHH Coats Phong Phú	2,616,069,902	2,616,069,902		-
Kufner Hong Kong Ltd.	-	-	7,442,729,479	7,442,729,479
Motives (Far East) Ltd.	12,393,931,316	12,393,931,316	7,561,243,477	7,561,243,477
Phải trả các nhà cung cấp khác	238,242,453,250	238,242,453,250	315,057,362,234	315,057,362,234
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1,207,140,251</b>	<b>1,207,140,251</b>	<b>1,023,054,500</b>	<b>1,023,054,500</b>
Phải trả các nhà cung cấp khác	302,513,751	302,513,751		
Công Ty CP Long Phương Đông	904,626,500	904,626,500	1,023,054,500	1,023,054,500
<b>Cộng</b>	<b>261,428,227,014</b>	<b>261,428,227,014</b>	<b>359,799,939,071</b>	<b>359,799,939,071</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)****5.12 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>23,588,959,401</b>	<b>25,771,268,729</b>	<b>28,583,063,875</b>	<b>20,777,164,256</b>
Thuế GTGT	11,710,302,726	17,809,905,612	17,422,783,713	12,097,424,626
Thuế xuất, nhập khẩu	9,430,344	299,878,030	169,289,096	140,019,278
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,969,662,503	2,602,110,482	4,503,845,553	4,067,927,432
Thuế thu nhập cá nhân	3,013,742,162	3,326,547,350	3,719,276,283	2,621,013,229
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2,184,285,000	327,819,900	1,004,854,900	1,507,250,000
Thuế môn bài	-	44,000,000	44,000,000	-
Các loại thuế khác	-	46,098,660	46,098,660	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	540,256,667	1,314,908,695	1,511,635,670	343,529,692
Thuế nhà thầu	161,280,000	-	161,280,000	-
<b>Phải thu</b>	<b>6,138,764,614</b>	<b>5,082,968,153</b>	<b>6,891,925,253</b>	<b>7,947,721,714</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	(439,048)	-	439,048
Thuế xuất, nhập khẩu	1,726,770,076	795,024,623	788,334,152	1,720,079,605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,880,169,578	6,103,591,101	2,223,421,523
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4,367,895,400	408,213,000	-	3,959,682,400
Các khoản khác phải thu nhà nước	44,099,138	-	-	44,099,138
Thuế nhà thầu	-	-	-	-



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.13 Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>31,240,867,437</b>	<b>47,920,727,717</b>
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8,725,363,021	16,719,819,292
- Trích trước chi phí lãi vay	2,194,027,788	3,973,484,720
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	10,902,293,072	16,121,344,450
- Chi phí ăn ca	443,402,638	
- Chi phí xe đưa đón công nhân	126,360,000	
- Chi phí xuất nhập khẩu	27,166,368	
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	6,460,896,393	7,919,721,822
- Chi phí môi giới	640,280,350	3,186,357,433
- Chi phí phải trả khác	1,721,077,807	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31,240,867,437</b>	<b>47,920,727,717</b>

**5.14 Phải trả khác**

	<b>31/03/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>70,035,994,570</b>	<b>60,723,297,177</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	54,949,638
Kinh phí công đoàn	10,750,206,902	11,097,332,111
Bảo hiểm xã hội	13,717,461,501	11,270,125,627
Bảo hiểm y tế	5,288,552,297	3,149,094,975
Bảo hiểm thất nghiệp	1,735,956,812	1,320,273,204
Tiền trái phiếu chuyển đổi phát hành	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10,000,000	10,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,906,062,250	11,668,183,526
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34,627,754,807.90	22,153,338,096
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5,005,358,574</b>	<b>4,794,960,183</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,722,888,391	2,512,490,000
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam	2,282,470,183	2,282,470,183
<b>Cộng</b>	<b>75,041,353,144</b>	<b>65,518,257,360</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2018 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1,691,898,731,982</b>	<b>1,691,898,731,982</b>	<b>1,000,560,923,650</b>	<b>849,358,434,609</b>	<b>1,540,696,242,942</b>	<b>1,540,696,242,942</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VNĐ	692,085,539,104	692,085,539,104	391,667,754,475	379,002,956,559	679,420,741,188	679,420,741,188
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	25,266,904,603	25,266,904,603	65,766,275,904	40,499,371,301	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh	39,736,773,728	39,736,773,728	29,902,918,536	11,862,587,356	21,696,442,548	21,696,442,548
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	316,587,393,126	316,587,393,126	175,060,355,827	112,747,518,564	254,274,555,863	254,274,555,863
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	30,920,006,984	30,920,006,984	29,994,455,131	-	925,551,853	925,551,853
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	44,152,881,018	44,152,881,018	7,672,925,409	23,971,842,834	60,451,798,443	60,451,798,443
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	19,674,941,111	19,674,941,111	19,683,298,686	8,118,233,998	8,109,876,423	8,109,876,423
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	292,105,518,162	292,105,518,162	95,726,961,254	148,856,902,126	345,235,459,034	345,235,459,034
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lagi	5,000,000,000	5,000,000,000	8,550,000,000	3,550,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận	84,165,199,906	84,165,199,906	103,189,256,306	62,375,025,620	43,350,969,220	43,350,969,220
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	24,598,202,490	24,598,202,490	21,570,227,750	16,639,491,260	19,667,466,000	19,667,466,000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định(USD)	2,601,144,686	2,601,144,686	-	-	2,601,144,686	2,601,144,686
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	22,051,970,957	22,051,970,957	29,387,368,533	21,330,312,216	13,994,914,640	13,994,914,640
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định(USD)	13,204,860,768	13,204,860,768	6,897,135,991	5,457,030,090	11,764,754,867	11,764,754,867
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Định	27,336,273,891	27,336,273,891	15,008,955,030	4,353,570,941	16,680,889,802	16,680,889,802

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	31/03/2018 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>52,411,121,448</b>	<b>52,411,121,448</b>	<b>483,034,818</b>	<b>10,593,591,745</b>	<b>62,521,678,375</b>	<b>62,521,678,375</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	3,912,520,019	3,912,520,019	-	878,853,221	4,791,373,240	4,791,373,240
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định	3,290,339,100	3,290,339,100	2,167,825	1,097,803,725	4,385,975,000	4,385,975,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1,152,166,604	1,152,166,604	-	-	1,152,166,604	1,152,166,604
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	18,412,150,681	18,412,150,681	473,738,300	2,137,919,376	20,076,331,757	20,076,331,757
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 - USD	7,566,253,133	7,566,253,133	456,103	461,322,744	8,027,119,774	8,027,119,774
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	14,958,788,805	14,958,788,805	6,672,590	4,690,923,785	19,643,040,000	19,643,040,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	3,118,903,106	3,118,903,106	-	1,326,768,894	4,445,672,000	4,445,672,000

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	31/03/2018 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>347,601,792,349</b>	<b>347,601,792,349</b>	<b>2,368,691,500</b>	<b>1,009,738,300</b>	<b>346,242,839,149</b>	<b>346,242,839,149</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -CN Thành phố Hồ Chí Minh USD	33,443,185,000	33,443,185,000	-	-	33,443,185,000	33,443,185,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh - VND	4,884,000,000	4,884,000,000	-	536,000,000	5,420,000,000	5,420,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	10,112,000,000	10,112,000,000	-	-	10,112,000,000	10,112,000,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	29,920,280,942	29,920,280,942	-	-	29,920,280,942	29,920,280,942
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	3,686,932,675	3,686,932,675	-	-	3,686,932,675	3,686,932,675
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh(VND)	94,361,422,977	94,361,422,977	-	-	94,361,422,977	94,361,422,977
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh(USD)	20,069,263,930	20,069,263,930	-	-	20,069,263,930	20,069,263,930
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	132,783,425,775	132,783,425,775	2,368,691,500	473,738,300	130,888,472,575	130,888,472,575
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bình Định	2,430,000,000	2,430,000,000	-	-	2,430,000,000	2,430,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định	11,277,198,790	11,277,198,790	-	-	11,277,198,790	11,277,198,790
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	2,764,707,260	2,764,707,260	-	-	2,764,707,260	2,764,707,260
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (VND)	1,869,375,000	1,869,375,000	-	-	1,869,375,000	1,869,375,000
<b>Tổng</b>	<b>2,039,500,524,331</b>	<b>2,039,500,524,331</b>	<b>1,002,929,615,150</b>	<b>850,368,172,909</b>	<b>1,886,939,082,091</b>	<b>1,886,939,082,091</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>45,373,475,832</b>	<b>86,181,559,544</b>	<b>80,717,249,000</b>	<b>394,272,284,376</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>461,005,896</b>	<b>52,820,555,379</b>	<b>38,051,469,124</b>	<b>91,333,030,399</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	52,820,555,379	5,563,405,728	58,383,961,107
Phân phối lợi nhuận	-	459,950,737	-	-	459,950,737
Tăng do hợp nhất	-	1,055,159	-	32,488,063,396	32,489,118,555
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>160,406,083</b>	<b>75,669,160,778</b>	<b>12,552,424,243</b>	<b>88,381,991,104</b>
Chia cổ tức	-	-	56,082,207,860	8,785,546,416	64,867,754,276
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	459,950,737	438,644,949	898,595,686
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	15,264,514,377	3,028,426,692	18,292,941,069
Giảm do hợp nhất	-	-	3,667,540,304	-	3,667,540,304
Giảm khác	-	160,406,083	194,947,500	299,806,186	655,159,769
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>45,674,075,645</b>	<b>63,332,954,145</b>	<b>106,216,293,881</b>	<b>397,223,323,671</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>45,674,075,645</b>	<b>63,332,954,145</b>	<b>106,216,293,881</b>	<b>397,223,323,671</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>122,639,242</b>	<b>10,882,066,601</b>	<b>(162,063,392)</b>	<b>10,842,642,451</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	10,882,066,601	(162,063,392)	10,720,003,209
Phân phối lợi nhuận	-	122,639,242	-	-	122,639,242
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>8,783,590,820</b>	<b>(648,347,499)</b>	<b>8,135,243,322</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	8,783,590,821	(648,347,499)	8,135,243,322
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/03/2018</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>45,796,714,887</b>	<b>65,431,429,926</b>	<b>106,702,577,988</b>	<b>399,930,722,801</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/03/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50,400,000,000	27.69%	50,400,000,000	27.69%
Công ty Cổ phần 4M	17,800,000,000	9.78%	17,800,000,000	9.78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491,220,000.00	0.27%	491,220,000.00	0.27%
Các cổ đông khác	113,308,780,000	62.26%	113,308,780,000	62.26%
<b>Tổng</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	01/01-31/3/2018	01/01-31/3/2017
	VND	VND
<b>Vốn góp tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>182,000,000,000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>182,000,000,000</b>	<b>182,000,000,000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/03/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>18,200,000</b>	<b>18,200,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10,000	10,000

**5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	01/01-31/03/2018	01/01-31/03/2017
	VND	VND
a) Doanh thu	967,762,105,136	1,253,588,188,264
Doanh thu bán hàng	959,595,691,771	1,253,588,188,264
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,166,413,365	-
<b>Cộng</b>	<b>967,762,105,136</b>	<b>1,253,588,188,264</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Giảm giá hàng bán	511,081,370	444,448,354
- Hàng bán bị trả lại	3,993,048,990	2,764,155,436
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>963,257,974,776</b>	<b>1,250,379,584,474</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	<b>01/01-31/03/2018</b>	<b>01/01-31/03/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của thành phẩm	761,829,412,090	1,019,599,884,098
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	224,926,012	-
<b>Cộng</b>	<b>762,054,338,102</b>	<b>1,019,599,884,098</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>01/01-31/03/2018</b>	<b>01/01-31/03/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	788,667,222	806,171,142
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	568,536,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,517,654,229	6,380,397,955
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2,023,506,376
<b>Cộng</b>	<b>4,306,321,451</b>	<b>9,778,611,473</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	<b>01/01-31/03/2018</b>	<b>01/01-31/03/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	18,702,284,758	12,381,930,977
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,866,571,666.00	5,276,765,171
Chi phí tài chính khác	-	125,000,008
<b>Cộng</b>	<b>20,568,856,424</b>	<b>17,783,696,156</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	<b>01/01-31/03/2018</b>	<b>01/01-31/03/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	10,790,523,609	21,591,004,299
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1,963,710,920	705,606,530
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1,434,658,783	2,272,229,541
Chi phí khấu hao TSCĐ	635,056,063	936,810,026
Thuế phí và lệ phí	72,675,182	91,601,157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43,107,467,851	56,601,888,613
Chi phí bằng tiền khác	6,066,697,116.00	8,549,956,561
<b>Cộng</b>	<b>64,070,789,524</b>	<b>90,749,096,727</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	01/01-31/03/2018	01/01-31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	64,641,765,639	73,137,912,155
Chi phí vật liệu quản lý	2,545,581,638	2,395,936,625
Chi phí đồ dùng văn phòng	7,543,870,027	3,847,025,065
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,316,926,545	11,004,219,533
Thuế phí và lệ phí	245,537,731	1,319,876,867
Chi phí dự phòng	242,884,384	1,223,439,445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,397,385,212	16,421,857,181
Chi phí bằng tiền khác	11,846,290,517.28	14,757,610,775
<b>Cộng</b>	<b>106,780,241,694</b>	<b>124,107,877,646</b>

**5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	01/01-31/03/2018	01/01-31/03/2017
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>	-	
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	14,373,000	
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, CCĐ	248,901,818	334,011,723
Dịch vụ ăn uống và cho thuê văn phòng	289,746,218	-
Thu từ cho thuê máy móc thiết bị	45,486,360	-
Các khoản khác	2,933,182,421	2,730,920,366
<b>Cộng</b>	<b>3,531,689,817</b>	<b>3,064,932,089</b>
<i>Chi phí khác</i>	-	
Các khoản bị phạt	199,883,461	118,475,694
Các khoản khác	1,298,315,588.00	2,042,477,978
<b>Cộng</b>	<b>1,498,199,049</b>	<b>2,160,953,672</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>2,033,490,768</b>	<b>903,978,417</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	01/01-31/03/2018	01/01-31/03/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	10,882,066,601	6,768,126,287
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(2,262,074,178)	(2,305,965,821)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8,619,992,423	4,462,160,466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18,200,000	18,200,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>474</b>	<b>245</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch với bên liên quan**

**Giao dịch bán hàng**

<b>Bên Liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Q1.2018 VND</b>	<b>Q1.2017 VND</b>
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Khác	12,850,000	11,806,727
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Quần áo	1,376,818	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	10,961,985	-
		Tiền thuê nhà	71,306,100	-
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Quần áo	4,090,900	3,927,264
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1,071,000	-
		Khác	466,425	-
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu	53,881,300	45,784,000
		Khác	8,500,000	-
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	(1,800,000)
		Tiền thuê nhà	-	72,865,000
		Nguyên Phụ Liệu	-	1,157,809
		Khác	6,000,000	(59,031,312)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	100,819,350	14,533,044
		Tiền thuê nhà	81,385,475	108,508,827
		Thiết bị các loại	-	30,076,727
Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5,450,000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	39,031,654	-
		Tiền thuê nhà	149,820,000	-
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	32,776,364
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	118,804,546	1,252,627,633
		Nguyên Phụ Liệu	-	706,154
		Khác	6,000,000	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch bán hàng**

<b>Bên Liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Q1.2018 VND</b>	<b>Q1.2017 VND</b>
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	16,123,636	23,270,455
Cty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	1,318,182
		Điện, ăn, nước, thuê máy	24,047,062	4,956,510
		Tiền thuê nhà	124,795,050	55,063,800
		Khác	-	13,987,692
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	2,799,550
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	9,900,000	6,144,000
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	7,437,208	746,977
		Tiền thuê nhà	11,764,500	-
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	16,620,000	6,960,000
		Nguyên Phụ Liệu	-	31,823,168
		Khác	-	451,727
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	-	6,924,206,250
		Khác	7,130,000	-
Cty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Khác	4,409,091	-
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Quần áo	7,929,259	-
		Khác	14,434,122	-
		Thiết bị các loại	9,740,406,105	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)  
Giao dịch mua hàng trong kỳ**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2018 VND	Q1.2017 VND
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	4,534,410,102	3,899,851,717
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	-	4,721,413,175
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	10,723,677,817	9,067,063,551
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	15,440,517,835	15,758,613,970
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	13,292,188,020	18,031,897,406
		Phí vận chuyển	37,989,091	-
		khác	14,727,273	1,000,000
Cty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty con	Gia công	39,332,923	-
	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	11,294,575,280	9,429,150,881
		khác	34,113,809,925	24,959,400,616
Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	3,990,342,000	2,032,964,000
		Văn Phòng Phẩm	1,940,000	-
		Sửa chữa	-	13,300,000
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	-	1,097,110,383
		Thiết bị các loại	-	3,200,000
		Công cụ, dụng cụ	-	46,200,000
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	634,794,772	633,949,490
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty con	Gia công	4,136,766,349	2,809,104,921
		Hoa Hồng	35,641,363	30,863,181
Cty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	616,471,400	542,349,140
		khác	1,072,056,265	50,032,220
		Sửa chữa	-	435,283,636
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	-	184,508,365
		khác	-	420,815,552
		Văn Phòng Phẩm	-	23,379,673
		Sửa chữa	-	245,112,273
		Quảng cáo	-	258,514,500

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

<b>Bên Liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Q1.2018 VND</b>	<b>Q1.2017 VND</b>
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	1,890,000	-
		Công cụ, dụng cụ	-	117,950,000
		Phí vận chuyển	691,322,500	-
		khác	1,348,751,327	128,884,400
		Văn Phòng Phẩm	17,800,000	-
		Quảng cáo	2,270,000	-
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	19,146,418,606	18,767,136,092
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	-	2,552,209,687
		khác	-	112,951,609
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Gia công	10,268,118,653	



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty .

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2018*

**Người lập**

**Trưởng phòng kế toán**

**Tổng Giám đốc**



**Phùng Thị Quế Thanh**

**Thân Phạm Tiên**

**Nguyễn Ngọc Lân**

